

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **52** /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **27** tháng **6** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 445/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án, công trình, nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

a) Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo nhiệm vụ, dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán, phương án thi công đã được phê duyệt;

b) Đối với khối lượng công việc chưa triển khai thì thực hiện điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 6 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *B*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB & Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế Bộ NN&MT;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, phường;
- Báo Lào Cai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TN1. *B*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Sinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng cho các công việc sau:

1. Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai;
2. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

Điều 2. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề

nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường;

Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt

1. Giải thích thuật ngữ

Xã chuẩn là lãnh thổ cấp xã được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

2. Quy định từ viết tắt

Bảng số 01

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
1	Kĩ sư chính bậc 1	KSC1
2	Kĩ sư chính bậc 2	KS2
3	Kĩ sư bậc 1	KS1
4	Kĩ sư bậc 2	KS2
5	Kĩ sư bậc 3	KS3
6	Đơn vị tính	ĐVT
7	Số thứ tự	STT
8	Thời hạn sử dụng dụng cụ, máy móc, thiết bị (tháng)	Thời hạn
9	Quy hoạch sử dụng đất	QHSDĐ
10	Kế hoạch sử dụng đất	KHSDĐ
11	Ủy ban nhân dân	UBND
12	Xã trung bình	Xã TB

2

Điều 4. Hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

1. Đối với lập, điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị xã có hệ số quy mô diện tích $K_s=1$ (diện tích trung bình là 20.000 ha), hệ số áp lực về dân số $K_{ds}=1$, hệ số áp lực về điều kiện cơ sở hạ tầng, kinh tế, xã hội, đô thị (gọi chung là đô thị) $K_{dt}=1$.

Mức cụ thể cho từng xã (M_X) tính theo công thức sau:

$$M_X = M_{tb} K_{ds} K_s K_{dt}$$

Trong đó:

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 02

STT	Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
1	< 150	0,99
2	150 - < 200	1,03
3	200 - < 400	1,08
4	400 - < 600	1,12
5	600 - < 800	1,17
6	800 - < 1000	1,22
7	1000 - < 1200	1,27
8	1200 - < 1400	1,32
9	≥ 1400	1,33

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng.

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo Bảng 2.

K_s : Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 03

STT	Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
1	> 12.000 - 20.000	0,95 - 1,00
2	20.000 - < 50.000	1,01 - 1,15
3	50.000 - < 100.000	1,16 - 1,25
4	100.000 - < 350.000	1,26 - 1,35

Ghi chú:

- Số liệu diện tích tự nhiên lấy theo số liệu thống kê, kiểm kê đất đai tại thời điểm năm hiện trạng.

- Hệ số về quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{dt} : Hệ số áp lực về điều kiện hạ tầng, kinh tế, xã hội, đô thị được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 05

STT	Đơn vị hành chính	K_{dt}
1	Các phường	1,25
2	Các xã	1,20

2. Đối với lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho tỉnh có hệ số quy mô diện tích $K_s=1$ (diện tích trung bình là $S= 6.364,0$ ha), hệ số áp lực về dân số $K_{ds}=1$, hệ số áp lực về điều kiện hạ tầng, kinh tế, xã hội $K_{dt}=1$. Trường hợp lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 202/2025/UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thì định mức lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh mới được tính bằng 2 (hai) lần đối với nội dung công việc ngoại nghiệp; đối với nội dung công việc nội nghiệp tùy từng công việc cụ thể được điều chỉnh tăng từ 1,5 đến 2,0 (hai) lần, định mức cấp tỉnh áp dụng tại quy định này.

Điều 5. Quy định về sử dụng định mức

1. Định mức này chỉ quy định mức tính đơn giá sản phẩm cho các hoạt động trực tiếp lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai, xã, phường thuộc tỉnh Lào Cai (gọi chung là cấp xã). Các hoạt động lập nhiệm vụ; quản lý chung; thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu, hội thảo; báo cáo tổng kết nhiệm vụ (nếu có); xây dựng và cập nhật dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai, cấp xã vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và các hoạt động khác có liên quan được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

2. Định mức lao động

a) Định mức lao động lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là hao phí thời gian lao động cần thiết của người lao động trực tiếp sản xuất ra một

or

sản phẩm (hoặc thực hiện một bước công việc hoặc một công việc cụ thể) và thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật hiện hành.

Lao động kỹ thuật quy định trong Định mức này là viên chức chuyên ngành địa chính và các chuyên ngành tương đương.

b) Thành phần định mức lao động gồm:

Nội dung công việc: liệt kê mô tả nội dung công việc, các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện công việc;

Định biên: xác định số lượng và cấp bậc lao động kỹ thuật cụ thể phù hợp với yêu cầu thực hiện từng nội dung công việc trong chu trình lao động đến khi hoàn thành sản phẩm. Trong Định mức này, việc xác định cấp bậc kỹ thuật để thực hiện nội dung công việc theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ và các quy định có liên quan.

Định mức: quy định thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm. Định mức lao động được xác định riêng cho hoạt động ngoại nghiệp và nội nghiệp; đơn vị tính là công hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm, ngày công (ca) tính bằng 08 giờ làm việc.

Tùy thuộc vào khối lượng công việc và thời gian thực hiện nhiệm vụ có thể bố trí một hoặc nhiều nhóm lao động có định biên theo quy định của Quyết định này để hoàn thành nhiệm vụ theo đúng tiến độ.

3. Các định mức dụng cụ lao động; tiêu hao vật liệu; tiêu hao năng lượng; tiêu hao nhiên liệu; sử dụng máy móc, thiết bị thực hiện theo quy định tại các điều 17, 18, 19, 20 và 21 Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Các quy định khác

1. Định mức cho lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã và lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp xã được xác định trên cơ sở xã chuẩn theo quy định tại khoản 5 phần này.

2. Định mức cho hoạt động đánh giá môi trường chiến lược

Định mức cho hoạt động đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ, được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế. *CS*

Phần II **ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Chương I

LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

Điều 7. Định mức lao động

1. Nội dung công việc

a) Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

Nội dung công việc trong lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

b) Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

c) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

d) Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 23 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

đ) Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

e) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

g) Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

h) Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

i) Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

k) Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

2. Định mức

Bảng số 06

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1.1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)		240
1.2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)		
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)	37	

92

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghề nghiệp	Ngoại nghề nghiệp
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)	53	
1.3	Điều tra, khảo sát thực địa	5 (1KS2, 3KS3, 1Lxe5)	5	27
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)	1	
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có)	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)		27
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)	4	
1.4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	5 (1KS1, 3KS3, 1KS2)	53	
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh			

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghiep	Ngoại nghiep
2.1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường	5 (1KS2, 4KS3)	58	
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan)	5 (1KS2, 4KS3)	12	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan)	5 (1KS2, 4KS3)	12	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan)	5 (1KS2, 4KS3)	12	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan)	5 (1KS2, 4KS3)	22	
2.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan)	5 (1KS2, 4KS3)	50	
2.3	Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất	5 (1KS2, 4KS3)	28	
a	Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất	5 (1KS2, 4KS3)	2	
b	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (1KS2, 4KS3)	25	

a

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghề	Ngoại nghề
c	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (1KS2, 4KS3)	1	
2.4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	6 (1KS2, 5KS3)	60	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
3.1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	5 (1KS2, 4KS3)	11	
3.2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân	5 (1KS2, 4KS3)	8	
3.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	6 (1KS2, 5KS3)	20	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước			
4.1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	5 (1KS2, 4KS3)	20	
4.2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	5 (1KS2, 4KS3)	21	
4.3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực	5 (1KS2, 4KS3)	35	

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghề nghiệp	Ngoại nghề nghiệp
	hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan)			
4.4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	5 (1KS2, 4KS3)	12	
4.5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	5 (1KS2, 4KS3)	12	
4.6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	5 (1KS2, 3KS3, 1KS2)	9	
4.7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	6 (1KS2, 5KS3)	37	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất			
5.1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	5 (1KS2, 4KS3)	23	
5.2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh	6 (1KS2, 5KS3)	19	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			

a

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
6.1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	13	
6.2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	13	
6.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	14	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
7.1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan)	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	13	
7.2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	20	
7.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	32	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất			

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tinh)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	từ 20 đến 30 năm			
8.1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	2	
8.2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	42	
8.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	30	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)		
9.1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	8	
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	2	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	1	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	1	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	2	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	2	

a

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
		1KS2)		
9.2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	160	
9.3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	22	
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	11	
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	11	
9.4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	11	
9.5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	11	
9.6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	11	
9.7	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	11	

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghề	Ngoại nghề
	nhiên			
9.8	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các tiết từ 9.3 đến 9.8. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 28 được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã	6 (2KS2, 4KS3)	30	
9.9	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	89	
a	Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	19	
b	Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	14	
c	Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	14	
d	Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	14	
đ	Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	14	
e	Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ	6 (2KS2, 3KS3, 1KS2)	14	
9.10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 4KS3)	33	

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/ tỉnh)	
			Nội nghề nghiệp	Ngoại nghề nghiệp
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	6 (2KS2, 4KS3)	11	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 4KS3)	11	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 4KS3)	11	
9.11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	6 (2KS2, 4KS3)	39	
9.12	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	6 (2KS2, 4KS3)	87	
a	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in)	6 (2KS2, 4KS3)	70	
b	Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ			
*	<i>Định mức cho mỗi bản đồ chuyên đề</i>	6 (2KS2, 4KS3)	17	
9.13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 4KS3)	43	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất			
10.1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan	6 (2KS2, 4KS3)	115	
10.2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất	6 (2KS2, 4KS3)	20	

Ghi chú: định mức lao động tại Bảng số 06 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 8. Định mức dụng cụ lao động**Bảng số 07**

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/ tỉnh)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	3.372	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	3.372	
3	Chuột máy tính	Cái	60	5.057	
4	Bút trình chiếu	Cái	12	8	
5	Màn chiếu điện	Cái	12	8	
6	Giá để tài liệu	Cái	96	1.405	
7	Hòm đựng tài liệu	Cái	96	1.405	
8	Cặp đựng tài liệu	Cái	96	5.057	
9	Quần áo mưa	Bộ	6	0,00	68
10	Ôn áp dùng chung 10A	Cái	96	1.405	
11	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	468	
12	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	281	
13	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.405	
14	Quạt trần 0,1 KW	Cái	96	702	
15	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		267
16	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		267

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức dụng cụ lao động tại Bảng số 07 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	100,00

Q

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,00	

2. Định mức dụng cụ lao động tại Bảng số 07 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 9. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 08

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	USB (32G)	Cái	150	21
2	Bút dạ màu	Bộ	10	18

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
3	Bút nhớ dòng	Cái	50	42
4	Bút bi nước My gel	Cái	10	105
5	Mực in A3 Laser	Hộp	3	
6	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
7	Mực in màu A4	Hộp	6	
8	Mực in màu A3	Hộp	2	
9	Mực in Plotter (6 hộp)	Bộ	2	
10	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
11	Đầu phun màu A4	Chiếc	2	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
14	Mực phô tô	Hộp	30	
15	Sổ ghi chép	Cuốn		150
16	Giấy A3	Gram	10	
17	Giấy A4	Gram	162	
18	Giấy in A0	Cuộn	11	

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức tiêu hao vật liệu tại Bảng số 08 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,0	100,00
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,0	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan	3,0	

2

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,0	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,0	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,0	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,0	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,0	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,0	

2. Định mức tiêu hao vật liệu tại Bảng số 08 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 10. Định mức tiêu hao năng lượng

Bảng số 09

STT	Danh mục năng lượng	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Điện năng tiêu hao cho dụng cụ lao động	Kwh	12.937	
2	Điện năng tiêu hao cho máy móc, thiết bị	Kwh	24.373	

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức tiêu hao năng lượng tại Bảng số 09 theo các nội dung công việc như sau:

Ge

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,00	

2. Định mức tiêu hao năng lượng tại Bảng số 09 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 11. Định mức tiêu hao nhiên liệu

Bảng số 10

STT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Xăng xe	Lít		1.335

Ghi chú:

1. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại Bảng số 10 tính cho nội dung công việc Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu (công tác ngoại nghiệp).

2. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại Bảng số 10 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 12. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 11

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw)	Định mức (ca/tỉnh)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	2,5	
2	Máy in A4	Cái	60	0,4	8,3	
3	Máy in màu A4	Cái	60	0,4	3	
4	Máy in màu A3	Cái	60	0,4	1,7	
5	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14	
6	Máy tính để bàn	Bộ	60	0,4	4.717	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	468	
8	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	7,5	
9	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		267
10	Máy phun tô	Cái	96	1,5	4,5	
11	Ô tô 7 chỗ	Cái	180			160

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Bảng số 11 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	100,00

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	100,00
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,00	

2. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Bảng số 11 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Chương II

LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ

Điều 13. Định mức lao động

1. Nội dung công việc

Nội dung công việc trong lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, tỉnh Lào Cai được thực hiện theo quy định theo khoản 2, điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai và một số nội dung điều khoản chung quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

a) Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

b) Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

d) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất của cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

đ) Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai 2024 và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

e) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

g) Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

h) Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

i) Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

Trong đó bao gồm:

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và diện tích các loại đất còn lại quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP theo nhu cầu sử dụng đất cấp xã quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

- Phân kỳ kế hoạch sử dụng đất 05 năm trong quy hoạch sử dụng đất cấp xã và nội dung kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

- Xây dựng hệ thống bản đồ gồm: bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã; bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Việc xây dựng bản đồ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập bản đồ quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

k) Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã được áp dụng tương đương theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

l) Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã được áp dụng tương đương theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT.

2. Định mức

Bảng số 12

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	-	-	-
1.1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp xã; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất	5 (4KS3, 1KS1)	-	136

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghề	Ngoại nghề
	của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất			
1.2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập	-		-
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin	5 (4KS3, 1KS1)	15	-
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã	5 (4KS3, 1KS1)	36	-
1.3	Điều tra, khảo sát thực địa	5 (4KS3, 1KS1)	4	19
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa	5 (4KS3, 1KS1)	1	-
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4KS3, 1KS1)	-	19

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa	5 (4KS3, 1KS1)	3	-
1.4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	5 (4KS3, 1KS1)	34	-
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	-	-	-
2.1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	5 (4KS3, 1KS1)		-
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4KS3, 1KS1)	11	-
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4KS3, 1KS1)	6	-
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4KS3, 1KS1)	6	-
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4KS3, 1KS1)	12	-
2.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4KS3, 1KS1)	32	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
2.3	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã.	6 (5KS3, 1KS1)	35	-
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	-	-	-
3.1	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (4KS3, 1KS1)	23	-
3.2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (4KS3, 1KS1)	1	-
3.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	5 (4KS3, 1KS1)	17	-
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	-	-	-
4.1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
4.2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
4.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất	6 (5KS3, 1KS1)	17	-
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử	-	-	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	dụng đất kỳ trước			
5.1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5KS3, 1KS1)	18	-
5.2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
5.3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan)	6 (5KS3, 1KS1)	32	-
5.4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
5.5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
5.6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã	5 (4KS3, 1KS1)	9	-
5.7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã kỳ trước	6 (5KS3, 1KS1)	34	-
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	-	-	-
6.1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (5KS3, 1KS1)	11	-
6.2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với	6 (5KS3, 1KS1)	11	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất			
6.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	17	-
7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	-	-	-
7.1	Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan)	6 (5KS3, 1KS1)	11	-
7.2	Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của xã, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5KS3, 1KS1)	20	-
7.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	26	-
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (5KS3, 1KS1)		-
8.1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	6 (5KS3, 1KS1)	1	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
8.2	Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn	6 (5KS3, 1KS1)	42	-
8.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	21	-
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	-	-	-
9.1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (5KS3, 1KS1)	8	-
9.2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo	6 (5KS3, 1KS1)	120	-
9.3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và diện tích các loại đất còn lại quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP theo nhu cầu sử dụng đất cấp xã	6 (5KS3, 1KS1)	20	-
9.4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã	6 (5KS3, 1KS1)	6	-
9.5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành	6 (5KS3, 1KS1)	11	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	chính cấp xã			
9.6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã	6 (5KS3, 1KS1)	11	-
9.7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp	-	-	-
9.8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	6 (5KS3, 1KS1)	20	-
9.9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các tiết từ 9.3 đến 9.8	6 (5KS3, 1KS1)	30	-
9.10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (5KS3, 1KS1)	24	-
9.11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	6 (5KS3, 1KS1)	35	-
9.12	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	5 (4KS3, 1KS1)	60	-
9.13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã	6 (5KS3, 1KS1)	39	-
10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	-	-	-
10.1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5KS3, 1KS1)	25	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
a	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	8	-
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
c	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	4	-
d	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	6 (5KS3, 1KS1)	9	-
10.2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	5	-
10.3	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	7	-
10.4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	7	-
10.5	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biên để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp	-	-	-
10.6	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích	6 (5KS3, 1KS1)	26	-

TT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức (công nhóm/xã)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi			
10.7	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch	6 (5KS3, 1KS1)	3	-
10.8	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp xã	5 (4KS3, 1KS1)	48	-
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất	5 (4KS3, 1KS1)	14	-
b	Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	5 (4KS3, 1KS1)	34	-
10.9	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp xã	6 (5KS3, 1KS1)	16	-
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	-	-	-
11.1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã; các tài liệu có liên quan.	6 (2KS2, 4KS3)	75	-
11.2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	6 (5KS3, 1KS1)	20	-

Ghi chú: định mức lao động tại Bảng số 12 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp

Or

xã, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 14. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 13

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/ xã)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	2.604	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	2.604	
3	Chuột máy tính	Cái	12	3.907	
4	Bút trình chiếu	Cái	12	5	
5	Màn chiếu điện	Cái	12	5	
6	Máy tính casio	Cái	60	651	
7	Giá để tài liệu	Cái	60	1.085	
8	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.085	
9	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	3.907	
10	Quần áo mưa	Bộ	12		48
11	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	1.085	
12	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	362	
13	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	217	
14	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.085	
15	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	543	
16	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		155
17	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		155

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức dụng cụ lao động tại Bảng số 13 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	100,00

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	7,0	100,00
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,0	-
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	3,0	-
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	2,0	-
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	9,0	-
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,0	-
7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,0	-
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6,0	-
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	35,0	-
10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	12,0	-
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	9,0	-

2. Định mức dụng cụ lao động tại Bảng số 13 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 15. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 14

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho xã TB)
-----	-------------------	-------------	------------------------------

			Nội nghiep	Ngoại nghiep
1	USB (32G)	Cái	145	20
2	Bút dạ màu	Bộ	10	20
3	Bút nhớ dòng	Cái	10	29
4	Bút bi nước My gel	Cái	10	58
5	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
6	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
7	Mực in màu A4	Hộp	4	
8	Mực in màu A3	Hộp	2	
9	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	1	
10	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
11	Đầu phun màu A4	Chiếc	2	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	4	
14	Mực phôi tô	Hộp	11	
15	Sổ ghi chép	Cuốn		145
16	Giấy A3	Gram	8	
17	Giấy A4	Gram	120	
18	Giấy in A0	Cuộn	6	

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức tiêu hao vật liệu tại Bảng số 14 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiep	Ngoại nghiep
	Tổng số	100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	7,0	100,00
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,0	

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	3,0	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	2,0	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	9,0	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,0	
7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,0	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6,0	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	35,0	
10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	12,0	
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	9,0	

2. Định mức tiêu hao vật liệu tại Bảng số 14 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 16. Định mức tiêu hao năng lượng

Bảng số 15

STT	Danh mục năng lượng	Đơn vị tính	Định mức (tính cho xãTB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Điện năng tiêu hao cho dụng cụ lao động	Kwh	10.000	
2	Điện năng tiêu hao cho máy móc, thiết bị	Kwh	18.741	

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức tiêu hao năng lượng tại Bảng số 15 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	7,0	
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,0	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	3,0	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	2,0	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	9,0	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,0	
7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,0	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6,0	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	35,0	
10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	12,0	
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	9,0	

2. Định mức tiêu hao năng lượng tại Bảng số 15 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 17. Định mức tiêu hao nhiên liệu**Bảng số 16**

STT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Xăng xe	Lít		775

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức tiêu hao nhiên liệu tại Bảng số 16 tính cho nội dung công việc Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu (công tác ngoại nghiệp).

2. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại Bảng số 16 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

Điều 18. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị**Bảng số 17**

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw)	Định mức (ca/ xã)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	2,0	
2	Máy in A4	Cái	60	0,4	8,3	
3	Máy in màu A4	Cái	60	0,4	2,2	
4	Máy in màu A3	Cái	60	0,4	2,1	
5	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	7,5	
6	Máy tính để bàn	Bộ	60	0,4	3.700	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	362	
8	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	7,5	
9	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		136
10	Máy phô tô	Cái	96	1,5	4,5	
11	Ô tô 7 chỗ	Cái	180			93

B

Ghi chú:

1. Cơ cấu định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Bảng số 17 theo các nội dung công việc như sau:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	Tổng số	100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	7,0	100,00
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,0	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	3,0	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	2,0	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	9,0	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,0	
7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,0	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6,0	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	35,0	
10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	12,0	
11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã	9,0	

2. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Bảng số 17 tính cho nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Khi thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, căn cứ nội dung và khối lượng công việc thực hiện điều chỉnh được áp dụng định mức cho các nội dung công việc tương ứng quy định tại bảng mức nêu trên.

B